

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI

Số: 10/2008/QĐ-BGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế an toàn hàng không dân dụng

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Phụ ước 1, 6 và 8 của Công ước về Hàng không dân dụng quốc tế ký tại Chicago ngày 07 tháng 12 năm 1944 mà Việt Nam đã tham gia;

Căn cứ Doc 9734 - Tài liệu hướng dẫn về giám sát an toàn, Doc 8335 - Tài liệu hướng dẫn về quy trình kiểm tra, phê chuẩn và giám sát khai thác bay của Tổ chức Hàng không dân dụng Quốc tế (ICAO);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế an toàn hàng không dân dụng".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Hồ Nghĩa Dũng

QUY CHẾ

An toàn hàng không dân dụng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2008/QĐ-BGTVT ngày 13 tháng 06 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Chương 1:

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy chế này quy định về tiêu chuẩn đủ điều kiện bay, khai thác tàu bay, tiêu chuẩn chuyên môn của nhân viên hàng không trong lĩnh vực khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, cơ sở y tế giám định sức khỏe cho nhân viên hàng không.
- Quy chế này được áp dụng đối với tổ chức và cá nhân tham gia vào hoạt động thiết kế, sản xuất, thử nghiệm tàu bay, thiết bị lắp trên tàu bay, thiết bị, vật tư tiêu chuẩn, vật tư tiêu hao phục vụ công tác sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, bảo dưỡng, khai thác tàu bay, huấn luyện, đào tạo, giám định sức khỏe cho nhân viên hàng không.
- Phạm vi áp dụng cụ thể của từng Chương trong Quy chế này được quy định tương ứng tại Chương đó.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “*Bảng dữ liệu giấy chứng nhận loại*” là bộ phận của giấy chứng nhận loại ghi rõ các điều kiện và giới hạn cần thiết để đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn đủ điều kiện bay được áp dụng cho loại tàu bay đó; cung cấp định nghĩa chính xác về cấu hình của sản phẩm tàu bay đã được giấy chứng nhận loại đó phê chuẩn; bao gồm các thông tin cần thiết sau: loại động cơ (tên nhà chế tạo, số giấy chứng nhận loại của động cơ, số lượng động cơ lắp trên tàu bay); các loại nhiên liệu có thể sử dụng; cánh

quạt và các giới hạn của cánh quạt; tốc độ vòng quay (đối với trục thẳng); giới hạn mô-men truyền động (đối với trục thẳng); giới hạn tốc độ bay; dải giới hạn trọng tâm tàu bay; dải giới hạn trọng tâm tàu bay với tải trọng rỗng; các điểm tham chiếu, phương tiện dùng để kiểm tra và cân bằng tàu bay; tải trọng tối đa; tổ bay tối thiểu; số lượng ghế; tải trọng hàng hóa tối đa; lượng nhiên liệu tối đa; lượng dầu nhờn tối đa; độ cao hoạt động tối đa; chuyển động của các bánh lái điều khiển; số xuất xưởng; các căn cứ phê chuẩn và chế tạo sản phẩm tàu bay.

2. “*Chỉ lệnh đủ điều kiện bay*” là yêu cầu bảo dưỡng, kiểm tra hoặc thay đổi đối với tàu bay hoặc các thiết bị tàu bay bắt buộc phải được thực hiện nhằm ngăn ngừa sự cố uy hiếp an toàn bay do quốc gia đăng ký tàu bay ban hành hoặc thừa nhận các yêu cầu tương tự do nhà chức trách hàng không của quốc gia thiết kế, chế tạo ban hành.

3. “*Chỉ lệnh khai thác*” là yêu cầu đối với các phương thức, tài liệu hướng dẫn khai thác bắt buộc người khai thác tàu bay phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn khai thác bay do quốc gia đăng ký hoặc quốc gia khai thác tàu bay ban hành hoặc thừa nhận các yêu cầu tương tự do nhà chức trách hàng không của quốc gia thiết kế, chế tạo ban hành.

4. “*Công nhận hiệu lực*” là văn bản do Cục Hàng không Việt Nam ban hành chấp nhận giấy chứng nhận, giấy phép, phê chuẩn, chỉ định hoặc văn bản cho phép do quốc gia thành viên khác của ICAO cấp hoặc ban hành, bao gồm quyền hạn tương tự hoặc hạn chế hơn.

5. “*Công ước Chicago*” là Công ước về Hàng không dân dụng quốc tế ký tại Chicago ngày 7 tháng 12 năm 1944.

6. “*Giấy chứng nhận loại*” là Giấy chứng nhận đối với một loại tàu bay, bao gồm bản thiết kế loại, các giới hạn hoạt động, bảng dữ liệu giấy chứng nhận loại, các tiêu chuẩn đủ điều kiện bay và mọi điều kiện hoặc giới hạn khác áp dụng cho loại tàu bay đó.

7. “*ICAO*” là Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế được thành lập theo Công ước Chicago.

8. “*Miễn*” là văn bản do Cục Hàng không Việt Nam ban hành cho phép miễn thực hiện một hoặc một số yêu cầu hoặc tiêu chí được quy định trong Quy chế này khi xét thấy việc miễn đó bảo đảm an toàn hàng không.

9. “*Miễn trừ*” là văn bản do Cục Hàng không Việt Nam ban hành cho phép một cá nhân, tàu bay hoặc tổ chức được miễn áp dụng một hoặc một số yêu cầu của Quy chế này khi xét thấy việc miễn trừ đó có thể duy trì được mức độ an toàn tương ứng vì lợi ích công cộng và bảo đảm an toàn hàng không.

10. “*Ngoại lệ*” là văn bản do Cục Hàng không Việt Nam ban hành cho phép một nhóm người, tàu bay hoặc loại hình khai thác được miễn áp dụng một hoặc một số yêu cầu của Quy chế này khi xét thấy yêu cầu đó không phù hợp đối với nhóm đó và việc miễn áp dụng như vậy phù hợp với lợi ích công cộng và bảo đảm an toàn hàng không.

11. “*Phê chuẩn*” là quá trình đánh giá, cho phép thực hiện, sử dụng hoặc áp dụng về mặt kỹ thuật đối với con người, tài liệu, trang thiết bị, chính sách hoặc thủ tục liên quan đến tiêu chuẩn đủ điều kiện bay và khai thác tàu bay đòi hỏi phải có sự phê chuẩn trước bằng hình thức cấp hoặc ban hành các loại giấy phép, chứng chỉ, giấy chứng nhận, văn bản cho phép, năng định hoặc các văn bản khác của Cục Hàng không Việt Nam.

a) “*Giấy phép*” là văn bản do Cục Hàng không Việt Nam cấp cho một cá nhân được thực hiện công việc nhất định, quyền hạn và hạn chế cụ thể đối với việc thực hiện công việc đó.

b) “*Cho phép*” là văn bản do Cục Hàng không Việt Nam cấp cho một tổ chức hoặc cá nhân một số quyền hạn nhất định liên quan đến tiêu chuẩn đủ điều kiện bay, khai thác tàu bay.

c) “*Giấy chứng nhận*” là văn bản do Cục Hàng không Việt Nam cấp cho một tổ chức để thực hiện hoạt động nhất định, quyền hạn và hạn chế cụ thể đối với việc thực hiện hoạt động đó.

d) “*Năng định*” là văn bản do Cục Hàng không Việt Nam cấp kèm theo giấy phép, giấy chứng nhận hoặc các giấy tờ tương tự, trong đó chỉ ra các điều kiện riêng,

quyền hạn hoặc hạn chế của giấy phép và giấy chứng nhận đó.

12. *“Phù hợp với giấy chứng nhận loại”* là tình trạng của tàu bay và các thiết bị lắp trên tàu bay hoàn toàn phù hợp với các hình vẽ, tính năng hoạt động và bảng dữ liệu giấy chứng nhận loại của giấy chứng nhận loại tàu bay đó, bao gồm cả bất kỳ giấy chứng nhận loại bổ sung và các thay đổi, cải tiến được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn áp dụng trên tàu bay đó trong quá trình khai thác.

13. *“Tính đủ điều kiện bay”* là tình trạng của tàu bay đáp ứng các yêu cầu cho việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện bay, bao gồm:

a) Phù hợp với giấy chứng nhận loại đã được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn hoặc thừa nhận đối với kiểu loại tàu bay đó;

b) Tàu bay ở trong trạng thái đảm bảo khai thác an toàn.

14. *“Tiêu chuẩn đủ điều kiện bay”* là các tiêu chuẩn do Cục Hàng không Việt Nam ban hành hoặc thừa nhận làm cơ sở cho việc tính toán kỹ thuật và thiết kế, bao gồm cả các loại vật liệu sử dụng và phương pháp chế tạo, cho từng hạng tàu bay, bảo đảm an toàn khai thác hạng tàu bay đó.

15. *“Thiết kế loại”* là thiết kế loại tàu bay, bao gồm:

a) Các hình vẽ và các tính năng hoạt động theo danh mục nhằm xác định cấu hình và đặc tính thiết kế của sản phẩm tàu bay để chứng minh việc tuân thủ của sản phẩm tàu bay với tiêu chuẩn đủ điều kiện bay được áp dụng;

b) Các thông tin về kích thước, vật liệu và các quá trình cần thiết dùng để xác định độ bền cấu trúc của sản phẩm tàu bay;

c) Hướng dẫn việc duy trì tính đủ điều kiện bay của sản phẩm tàu bay theo tiêu chuẩn đủ điều kiện bay được áp dụng cho sản phẩm tàu bay đó.

16. *“Trạng thái đảm bảo khai thác an toàn”* là tình trạng của tàu bay khi đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Được bảo dưỡng phù hợp với chương trình bảo dưỡng đã được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn bao gồm cả các công việc bảo dưỡng, kiểm tra nhằm phát hiện và phòng ngừa rỉ sét (CPCP) và sự xuống cấp về cấu trúc, hệ thống và các thiết bị khác lắp trên tàu bay;